

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Nguyễn Văn Thiện;

2. ông Đặng Văn Bộ.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hùng Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Phương D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Phương D trình bày: Chị và anh Trần Tuấn A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã Y), huyện H, tỉnh T ngày 20/4/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh Tuấn A có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do không chịu đựng được nên

chị D và anh Tuấn A đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Tuấn A.

Về con chung: Chị D khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Trần Đình Thanh A, sinh ngày 10/10/2009 và cháu Trần Thanh X, sinh ngày 22/02/2015. Chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu A và X, không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị Trần Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập anh Trần Tuấn A đến Toà án để viết bản khai nhưng anh Tuấn A không có mặt mà không có lý do nên không có bản khai của anh Tuấn A.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đường sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D và giao các cháu Trần Đình Thanh A, Trần Thanh X cho chị Trần Thị Phương D nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81; 82; 83; khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trần Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh Tuấn A không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh Tuấn A cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, chị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D và anh Tuấn A là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Phương D và anh Trần Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị D là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống và anh Tuấn A có quan hệ ngoại tình. Kết quả xác minh ngày 27/5/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y cũng cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh Tuấn A là do anh Tuấn A có quan hệ ngoại tình, chị D và anh Tuấn A đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Tuấn A đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Tuấn A là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị Phương D khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Trần Đình Thanh A, sinh ngày 10/10/2009 và cháu Trần Thanh X, sinh ngày 22/02/2015. Chị Duyên cũng xuất trình cho Tòa án bản sao chứng thực giấy khai sinh của cháu A và cháu X, trong đó xác định cháu A và cháu X là con chung của chị D và anh Tuấn A. Mặt khác cháu A và cháu X được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu A và cháu X là con chung của chị D và anh Tuấn A. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu A và cháu X do chị D nuôi dưỡng. Cháu X còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, cháu A có nguyện vọng được ở với mẹ. Để tránh xáo trộn về tâm lý cũng như việc học tập của các cháu, giao cháu A và cháu X cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4]. Về tài sản: Chị Trần Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị Phương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83; khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Phương D và anh Trần Tuấn A.
2. Về con chung: Công nhận các cháu Trần Đình Thanh A, sinh ngày 10/10/2009 và cháu Trần Thanh X, sinh ngày 22/02/2015 là con chung của chị D và anh Tuấn A. Giao cháu các cháu A và Xuân cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Tuấn Anh không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị D.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Phương D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009346 ngày 23/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh Tuấn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thiện Đặng Văn Bộ

Trịnh Thanh Hương

